

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHI XUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Nghi Xuân, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận Phương án sản xuất kinh doanh
sản phẩm Đông trùng hạ thảo Phú Nhân tham gia Chương trình
Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và cơ chế xây dựng nông thôn mới, đô thị tỉnh Hà Tĩnh năm 2019-2020; Nghị quyết số 255/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và cơ chế xây dựng nông thôn mới, đô thị tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định hướng dẫn trình tự, hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn và cơ chế xây dựng nông thôn mới, đô thị Hà Tĩnh năm 2019-2020 theo Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh; Quyết định 480/QĐ-UBND ngày 4/2/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 88/KH-UBND của UBND tỉnh ngày 29/3/2021 về việc thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2021;

Căn cứ Hướng dẫn liên ngành số 01/HDLN-SNN-STC-SCT-SKH-CN-VPNTM của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ và Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh ngày 29/01/2021 về việc quy định tạm thời về một số nội dung hỗ trợ chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo Nghị quyết 123/NQ-HĐND ngày 13/12/2018;

Căn cứ Văn bản số 408/VPĐP-OCOP ngày 05/7/2021 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh về việc cho ý kiến về Phương án sản xuất kinh doanh các sản phẩm tham gia chương trình OCOP năm 2021 tại huyện Nghi Xuân;

Căn cứ Biên bản thẩm định Phương án sản xuất kinh doanh sản phẩm Củ đờ Hương Trí của Phòng Tài chính - Kế hoạch và Văn phòng nông thôn mới huyện ngày 3 tháng 7 năm 2021;

Theo đề nghị của các phòng: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Kế hoạch; Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện tại văn bản số 11/VPĐP-BC, ngày 08/7/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận Phương án sản xuất kinh doanh Đông trùng hạ thảo Phú Nhân của Công ty cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng Hoàng Khôi do ông Trịnh Thế Cường làm đại diện tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm năm 2021, với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu cụ thể:

- Về sản phẩm: Đạt chuẩn OCOP 3 sao: Năm 2021; đạt chuẩn OCOP 4 sao: Năm 2023; đạt chuẩn OCOP 5 sao: Năm 2025

- Về doanh thu trong 3 năm: 12.000.000.000 đồng, trong đó: Năm 2021: 2.000.000.000 đồng; Năm 2022: 4.000.000.000 đồng; Năm 2023: 6.000.000.000 đồng;

- Về tổ chức: Đã thành lập Công ty và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung và kinh phí thực hiện

2.1. Nội dung thực hiện: *(Có Phụ lục kèm theo)*

2.2. Kinh phí thực hiện: 8.654.860.000 đồng *(bằng chữ: tám tỷ, ba trăm năm mươi tư triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng).*

Trong đó:

- Vốn chủ sở hữu: 5.470.210.000 đồng

- Vốn tín dụng: 1.000.000.000 đồng

- Dự kiến ngân sách hỗ trợ: 2.184.650.000 đồng

- Vốn khác: 0 đồng

3. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên mô, đơn vị liên quan hướng dẫn cơ sở tổ chức thực hiện Phương án sản xuất kinh doanh đã được chấp thuận theo quy định; kiểm tra, hướng dẫn và giải quyết khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình thực

hiện; định kỳ hàng tháng tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Phương án của cơ sở về UBND huyện để biết, chỉ đạo thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân An thường xuyên kiểm tra, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các cơ sở phát triển sản xuất; kiểm tra xác nhận sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động địa phương cho cơ sở.

3. Cơ sở sản xuất và kinh doanh Đồng Trùng hạ thảo Phú Nhân trên cơ sở Phương án sản xuất sản phẩm Đồng Trùng hạ thảo Phú Nhân đã được UBND huyện chấp thuận tiến hành phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Phương án sản xuất kinh doanh theo quy định; quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, bổ sung các nội dung của Phương án thì phải có văn bản đề xuất, báo cáo UBND huyện xem xét, chấp thuận điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chánh văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện; Tổ trưởng Tổ Giúp việc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Chủ tịch UBND thị trấn Xuân An; Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng Hoàng Khôi và Trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (để b/c)
- TT BCD NTM, OCOP cấp huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, VPĐP;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Hưng

**DỰ KIẾN NỘI DUNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN
SẢN PHẨM: ĐÔNG TRÙNG HẠ THẢO**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện)

TT	Nội dung thực hiện	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)					Ghi chú
					Tổng	Trong đó:				
						Vốn cơ sở	Vốn vay	Ngân sách tỉnh hỗ trợ	Ngân sách huyện hỗ trợ	
A	Tài sản cố định				7,704.86	4.670.21	1,000.00	2,029.65	5.00	
	Năm 2021				1,136.86	845.21	0.00	286.65	5.00	
I	Cơ sở hạ tầng				10.50	10.50				
1	Hệ thống chiếu sáng	Bộ	3.00	3.50	10.50	10.50				
II	Nhà kho, nhà xưởng, văn phòng				554.16	554.16	0.00	0.00	0.00	
1	Văn phòng (<i>nâng cấp</i>)	m2	60.00	2.00	120.00	120.00				
2	Nhà xưởng (phòng cấy, phòng sáng, phòng tối) (<i>nâng cấp</i>)	m2	40.00	6.80	272.16	272.16				
3	Khu sơ chế (<i>nâng cấp</i>)	m2	30.00	5.00	150.00	150.00				
4	Nhà kho (<i>nâng cấp</i>)	m2	10.00	1.20	12.00	12.00				
III	Thiết bị, máy móc				175.20	88.55	0.00	86.65	0.00	
1	Máy tạo ẩm	Cái	2.00	10.00	20.00	10.00		10.00		K2 Điều 10 NQ 123 HĐND tỉnh
2	Súng cấy	Cái	2.00	4.00	8.00	4.00		4.00		
3	Nồi hấp	Cái	1.00	35.00	35.00	17.50		17.50		
4	Máy sấy thăng hoa	Cái	1.00	90.00	90.00	45.00		45.00		

5	Tủ cây	Cái	1.00	16.00	16.00	8.00		8.00		
6	Máy lãc	Cái	1.00	4.30	4.30	2.15		2.15		
7	Máy lọc nước cất (công suất 4 lít/h)	Cái	1.00	1.90	1.90	1.90				
IV	Dụng cụ				192.00	192.00	0.00	0.00	0.00	
1	Hộp nhựa	Cái	10.00	3.00	30.00	30.00				
2	CCDC (ống nghiệm, bình thủy tinh, đĩa thủy tinh, khay, kệ,...)	Bộ	1.00	100.00	100.00	100.00				
3	Máy tính, máy in, máy photo	Bộ	3.00	20.00	60.00	60.00				
4	Camera quan sát	Cái	1.00	2.00	2.00	2.00				
V	CHI PHÍ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM OCOP				205.00	0.00	0.00	200.00	5.00	
1	Xây dựng phương án phát triển sản xuất, kinh doanh	Phương án	1.00	20.00	20.00	0.00		15.00	5.00	K1 Điều 10 NQ 123 HĐND tỉnh; HDLN số 01 K1 Điều 11 NQ 135 HĐND huyện
2	Hoàn thiện hồ sơ sản phẩm				185.00	0.00		185.00		
1	<i>Thiết kế bộ nhận diện thương hiệu</i>	<i>Dịch vụ</i>	<i>1.00</i>	<i>75.00</i>	<i>75.00</i>	<i>0.00</i>		<i>75.00</i>		<i>K1 Điều 10 NQ 123 HĐND tỉnh</i>
2	<i>Đăng ký bảo hộ SHTT</i>	<i>Dịch vụ</i>	<i>1.00</i>	<i>15.00</i>	<i>15.00</i>	<i>0.00</i>		<i>15.00</i>		
3	<i>Xây dựng mã số mã vạch cho sản phẩm</i>	<i>Dịch vụ</i>	<i>1.00</i>	<i>5.00</i>	<i>5.00</i>	<i>0.00</i>		<i>5.00</i>		

4	Xây dựng hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm	Dịch vụ	1.00	20.00	20.00	0.00		20.00		
5	Xây dựng video clip câu chuyện sản phẩm	Dịch vụ	1.00	25.00	25.00	0.00		25.00		
6	In bao bì, tem nhãn	Dịch vụ	1.00	45.00	45.00	0.00		45.00		
Năm 2022-2023					6,568.00	3,825.00	1,000.00	1,743.00		
I	Nhà kho, nhà xưởng, văn phòng				5,810.00	3,067.00	1,000.00	1,743.00		
1	Văn phòng, khu trưng bày SP	m2	200.00	5.00	1,000.00	700.00		300.00		
2	Nhà xưởng (phòng cấy, phòng sáng, phòng tối)	m2	500.00	8.00	4,000.00	2,800.00	1,000.00	1,200.00		
3	Khu sơ chế	m2	150.00	5.00	750.00	525.00		225.00		
4	Nhà kho	m2	50.00	1.20	60.00	42.00		18.00		
II	Thiết bị, máy móc				750.00	750.00				
1	Máy sấy thăng hoa	Cái	1.00	750.00	750.00	750.00				
III	Dụng cụ				8.00	8.00				
1	Camera quan sát	Cái	4.00	2.00	8.00	8.00				
B	Chuyển giao công nghệ				300.00	150.00		150.00		
C	Vốn lưu động				650.00	650.00				
	Tổng cộng A+B				8,654.86	5,470.21	1,000.00	2,029.65	5.00	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN